

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 414/2026/HNGĐ-ST

Ngày 15-9-2026

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Bảy;
- Bà Đoàn Sơn Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ.

Đại diện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tùng L - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 614/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 766/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thái Thị L1, sinh năm 1956 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1956 (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: Khu V, phường L, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết trình bày như sau:
Hôn nhân của bà và ông Nguyễn Văn N đến với nhau là do tự quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau khoảng 01 tháng thì tự nguyện về chung sống như vợ, chồng từ trước năm 1978, đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Vợ, chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung nên hôn nhân dần không hạnh phúc. Mâu thuẫn không giải quyết được nên từ năm 1989 ông N bỏ đi và sống ly thân với bà cho đến nay. Trong thời

gian ly thân không ai quan tâm ai. Nay bà xin được ly hôn với ông N.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông N có 03 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/01/1979; Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 30/12/1980 và Nguyễn Thị Thúy K, sinh ngày 12/01/1982. Tất cả con chung đã thành niên nên khi ly hôn bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa; tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông N đã trình bày: Hôn nhân của ông và bà L1 đúng là do tự quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau khoảng 01 tháng thì tự nguyện về chung sống như vợ, chồng từ trước năm 1978, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Theo ông, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống; không có tiếng nói chung nên năm 1989 ông đã bỏ đi và sống ly thân với bà L1 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai liên lạc, quan tâm đến nay. Nay bà L1 xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà L1 có 03 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/01/1979; Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 30/12/1980 và Nguyễn Thị Thúy K, sinh ngày 12/01/1982. Tất cả con chung đã thành niên nên khi ly hôn ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà L1 được ly hôn với ông N. Về con chung đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung riêng và nợ, các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị L1 xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn N thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 4 - Cần Thơ. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227,

228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Hôn nhân của bà L1 và ông N đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, tuy không đăng ký kết hôn nhưng ông, bà chung sống với nhau từ trước năm 1978. Theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật HNGĐ 2000 để giải quyết và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 thì hôn nhân của nguyên đơn, bị đơn là hôn nhân thực tế. Theo nguyên đơn, bị đơn trình bày nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do ông, bà bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong xây dựng gia đình nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 1989 cho đến nay. Thời gian ly thân khá dài nguyên đơn, bị đơn không hàn gắn được tình cảm; cho thấy nguyên đơn, bị đơn đã không còn tình cảm và thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không công nhận nguyên đơn, bị đơn thuận tình ly hôn mà chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/01/1979; Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 30/12/1980 và Nguyễn Thị Thúy K, sinh ngày 12/01/1982. Tất cả con chung đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 35, 39, 147, 217, 218, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân Gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Thái Thị L1 được ly hôn với ông Nguyễn Văn N
- *Về con chung*: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/01/1979; Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 30/12/1980 và Nguyễn Thị Thúy K, sinh ngày 12/01/1982. Tất cả con chung đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.
- *Về tài sản chung, riêng và nợ*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- *Về án phí*: Bà Thái Thị L1 được miễn nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật nên không phải chịu án phí.
- *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND KV 4- Cần Thơ;
- VKS KV 4 – Cần Thơ;
- THA dân sự TP Cần Thơ;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hà Thía

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Kim P - Đ

